

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công nghiệp hóa và vận dụng ở Việt Nam

Trần Thị Minh Tuyết¹

¹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: tuyetminh1612@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Tóm tắt: Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin coi công nghiệp hóa là “tất yếu thép” mà tất cả các nước muốn đi lên chủ nghĩa xã hội đều phải trải qua. Đối với những nước bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa như Việt Nam, vai trò của công nghiệp hóa càng quan trọng. Muốn đề ra đường lối công nghiệp hóa đúng đắn, những người cộng sản phải nắm vững những quy luật chung của công nghiệp hóa mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã đúc kết, và vận dụng sáng tạo quy luật đó vào thực tiễn của đất nước mình. Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa đã thể hiện rõ tinh thần khoa học đó.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, công nghiệp hóa.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The classical scientists of Marxism-Leninism see industrialisation as the “iron necessity” that all countries which want to advance to socialism need to experience. For countries that bypass the capitalist regime like Vietnam, the role of industrialisation is even more important. In order to work out the right way of industrialisation, the communists must grasp the universal laws of industrialisation that Marxism-Leninism has set out, and apply them into the reality of their country. Ho Chi Minh Thought and the Communist Party of Vietnam's guideline of industrialisation have clearly demonstrated the scientific spirit.

Keywords: Marxism - Leninism, Ho Chi Minh Thought, Communist Party of Vietnam, industrialisation.

Subject classification: Philosophy

1. Giới thiệu

Công nghiệp hoá là chuyển một nền sản xuất nhỏ dựa trên lao động thủ công thành một

nền sản xuất lớn dựa trên lao động máy móc công nghiệp. Từ cuối thế kỷ XVIII đến nay, trên thế giới đã diễn ra hai loại hình công nghiệp hóa khác nhau: công nghiệp hóa tư

bản chủ nghĩa và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đến nay, khi nhiều nước đã trở thành nước công nghiệp hiện đại, thì công nghiệp hóa vẫn là mục tiêu phấn đấu của Việt Nam. Để trở thành nước công nghiệp hiện đại (trong thời hạn xác định như Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra), Việt Nam cần học tập kinh nghiệm về công nghiệp hóa của các nước đi trước, đồng thời vận dụng sáng tạo quan điểm về công nghiệp hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin. Bài viết này phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công nghiệp hóa

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (giữa thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX) đã dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở phần lớn Châu Âu và Bắc Mỹ. Mác - Ăngghen khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản Tây Âu đã luận giải một cách khoa học sự thay thế tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái đó). Hai ông khẳng định rằng: chủ nghĩa xã hội muốn tồn tại và phát triển nhất thiết phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt hơn chủ nghĩa tư bản. Do đó, nền sản xuất công nghiệp trong chủ nghĩa xã hội phải cao hơn nền sản xuất công nghiệp trong chủ nghĩa tư bản. Các nước tư bản, do đã trải qua quá trình công nghiệp hóa, nên bước đầu có cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn có cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đầy đủ, những người xây dựng chế độ mới phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất. Mặc dù các nhà kinh điển

của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ ra cụ thể sự khác nhau giữa nền sản xuất công nghiệp trong chủ nghĩa xã hội với nền sản xuất công nghiệp trong chủ nghĩa tư bản, nhưng chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, công nghiệp hóa trong chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa trong chủ nghĩa tư bản là công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa; để có công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất mới dựa trên chế độ công hữu; phải cơ cấu lại nền kinh tế để hướng tới mục tiêu phục vụ nhân dân, chứ không phải “chạy theo” mục tiêu lợi nhuận cho các nhà tư bản.

Dựa trên thực tế sống động của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Lênin đã bàn kỹ hơn về vấn đề công nghiệp hóa. Trước Cách mạng Tháng Mười, nước Nga là một nước tư bản có trình độ phát triển trung bình; chủ nghĩa tư bản ở Nga “chưa được phát triển đầy đủ”; công cuộc giải phóng nông nô mới được tiến hành vào năm 1861; cách tiến hành công nghiệp hóa ở nước Nga phải khác so với cách tiến hành công nghiệp hóa ở các nước Tây Âu.

Vậy nước Nga cần công nghiệp hóa bằng cách nào? Theo Lênin, cách tiến hành công nghiệp hóa ở nước Nga phải là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng để tạo ra máy móc, tư liệu sản xuất tiên tiến cho toàn bộ nền kinh tế, để “chuyển nền kinh tế của đất nước, kể cả nông nghiệp, lên một cơ sở kỹ thuật mới, cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất lớn hiện đại” [14, tr.194]. Cụm từ “công nghiệp nặng” đã được Lênin sử dụng rất nhiều lần. Ông nói rõ: “Công nghiệp nặng là cơ sở chủ yếu của chủ nghĩa xã hội” [16, tr.246], “Công nghiệp nặng cần được nhà nước trợ cấp. Nếu không tìm được khoản

trợ cấp đó, thì nhà nước Xô-viết sẽ diệt vong, không còn là một nhà nước văn minh được, chứ đừng nói là nhà nước xã hội chủ nghĩa nữa” [16, tr.334].

Không những chỉ rõ cần ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, Lênin còn chỉ rõ rằng cần ưu tiên phát triển ngành công nghiệp năng lượng. Ở thời điểm máy hơi nước và động cơ đốt trong vẫn đang được sử dụng một cách phổ biến, Lênin đã nhận thấy điện lực mới là phương án tối ưu để nước Nga cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản, và vì vậy, “điện khí hóa toàn Nga” đã trở thành nội dung then chốt trong đường lối công nghiệp hóa của Lênin. Ông đã nói rõ về điều đó trong bài phát biểu tại Đại hội III Quốc tế Cộng sản (năm 1921): “Cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là *nền đại công nghiệp*. Nhưng không thể chỉ đóng khung ở nguyên lý chung đó. Cần phải cụ thể hóa nguyên lý đó. Một nền đại công nghiệp ở vào trình độ kỹ thuật hiện đại và có khả năng cải tạo nông nghiệp, đó là *điện khí hóa cả nước*” [15, tr.11]. Từ đó, ông đã đưa ra định nghĩa về chủ nghĩa cộng sản bằng cách kết hợp 2 đặc trưng cơ bản về chính trị và kinh tế của chế độ đó: “Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền Xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc” [14, tr.36].

Đưa một đất nước rộng lớn, còn nhiều tồn dư của nền kinh tế tiểu nông trở thành một nước công nghiệp phát triển là sự nghiệp hết sức khó khăn. Để làm được việc khó khăn đó, Lênin cho rằng, cần phải học hỏi, kế thừa những thành quả ưu việt của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt ở lĩnh vực khoa học và quản lý. Ông kêu gọi những người cộng sản “hãy dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: chính quyền Xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các Tờ rút ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ” [12, tr.684]; phải

nắm được “những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại” [12, tr.386] để ứng dụng nó vào quá trình công nghiệp hóa. Theo ông, nếu những người xây dựng chế độ mới không là những người có học vấn thì “chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi” [13, tr.365]; họ phải tẩy bỏ căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản”; phải sử dụng “bằng bất cứ giá nào và sử dụng trên quy mô lớn” các chuyên gia tư sản với thái độ thực sự trân trọng; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên phải động viên toàn thể nhân dân lao động tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Chính vì coi trọng công nghiệp hóa và tiến hành công nghiệp hóa một cách phù hợp, nên Liên Xô đạt được vị thế cường quốc công nghiệp từ trước chiến tranh thế giới thứ hai. Sự tụt hậu của nền kinh tế Xô-viết sau này có nguyên nhân ở chỗ không thực hiện đầy đủ những chỉ dẫn của Lênin về công nghiệp hóa. Mặc dù cách tiến hành công nghiệp hóa bắt đầu bằng công nghiệp nặng, trước hết là bằng công nghiệp năng lượng, là cách đúng đắn, phù hợp với nước Nga thế kỷ XIX, nhưng đó cũng chỉ là kinh nghiệm tham khảo chứ không phải là “khuôn mẫu bất biến” cho mọi nước khi tiến hành công nghiệp hóa. Đúng như Lênin đã nói, “người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết các vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không sao tránh khỏi “vấp phải” những vấn đề chung đó một cách không tự giác” [10, tr.437].

3. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa

C.Mác và Ph.Ăngghen từng nhấn mạnh rằng việc vận dụng các nguyên lý chung “phải tùy thuộc theo hoàn cảnh đương thời” [9,

tr.128], tức là phải đứng trên quan điểm lịch sử - cụ thể. Lênin còn nói rõ hơn: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau” [11, tr.160]. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra bản chất khoa học, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh, thì quan điểm của các nhà kinh điển về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chính là cơ sở lý luận để hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Do Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bằng mô hình “rút ngắn”, gián tiếp - cụ thể, tức “từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [7, tr.411], nên mâu thuẫn lớn nhất của ở Việt Nam trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo hướng hiện đại và thực trạng kinh tế - xã hội thấp kém của đất nước. Mâu thuẫn đó chỉ được giải quyết bằng quá trình công nghiệp hóa. Bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1960, Hồ Chí Minh đã xác định rõ rằng, công nghiệp hóa là “con đường phải đi của chúng ta” [7, tr.445], “là con đường no ấm thực sự của nhân dân” [7, tr.445].

Chủ động thực hiện một nhiệm vụ mang tính quy luật, nhưng do thấu hiểu đặc điểm của Việt Nam (một nước nông nghiệp với cơ sở vật chất kỹ thuật hết sức lạc hậu và đang có chiến tranh ác liệt), Hồ Chí Minh đã đề ra *bước đi* trong công nghiệp hóa. Người nói: trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, nước ta “phải lấy việc phát triển *nông nghiệp làm gốc, làm chính*” [7, tr.635]; phải phát triển cả tiểu thủ công nghiệp và công

ngiệp nhẹ để đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho dân và tạo sự tích lũy từng bước; khi các ngành kinh tế đó đã ổn định thì phải đầu tư cho công nghiệp nặng, “công nghiệp nặng là đầu mối để mở mang các ngành công nghiệp khác và cung cấp máy móc cho nông nghiệp. Cho nên, chưa có công nghiệp nặng, thì chưa thể gọi là công nghiệp hóa. Chưa có công nghiệp nặng thì chưa thể có một nền kinh tế tự chủ và giàu mạnh được” [7, tr.449-450]. Rõ ràng là, Hồ Chí Minh đã nhận thấy tầm quan của công nghiệp nặng, nhưng Người cũng linh hoạt trong việc lựa chọn cơ cấu, bước đi đầu tiên để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa.

Về vấn đề *tốc độ* công nghiệp hóa, ngay ở thời điểm Trung Quốc và Liên Xô chủ trương tăng tốc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh vẫn cho rằng: “*Công nghiệp hóa phải tiến hành dần dần*. Nếu muốn công nghiệp hóa gấp thì là chủ quan” [8, tr.442] vì điều kiện của nước ta rất khó khăn. Rất tiếc là, trong một thời gian khá dài, tư tưởng đúng đắn đó của Hồ Chí Minh về cơ cấu và bước đi trong công nghiệp hóa đã không được thực hiện. Kết quả là, nền nông nghiệp Việt Nam không phát huy được thế mạnh, và công nghiệp nặng phát triển không hiệu quả. Với một nước có thế mạnh về nông nghiệp thì “nông suy - bách nghệ bại”. Trong khi nông nghiệp còn yếu kém mà lại quá chú trọng đầu tư vào công nghiệp nặng, thì cách tiến hành công nghiệp hóa như vậy là sai lầm.

4. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Vì thế cho nên, quan điểm

của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là cơ sở lý luận cho đường lối công nghiệp hóa ở Việt Nam.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của công nghiệp hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ trước *Đổi mới*, đường lối công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng theo mô hình Xô-viết.

Đại hội Đảng VI của Đảng đã xác định rằng, muốn đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng thì Đảng phải *đổi mới về tư duy*, trong đó có tư duy về công nghiệp hóa. Với một tư duy mới, Đảng nhận thức rõ rằng, nền đại công nghiệp mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nói đến là nền đại công nghiệp cơ khí, mô hình công nghiệp hóa mà họ đã chứng kiến là mô hình công nghiệp hóa cổ điển; trong thời đại mới cần tiến hành công nghiệp hóa theo cách mới. Quan điểm của Đảng về cách tiến hành công nghiệp hóa gồm các nội dung như sau.

Thứ nhất, phải gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa. Đại hội Đảng VII (năm 1991) có bước tiến mới trong tư duy về công nghiệp hóa khi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* do Đại hội thông qua đề ra chủ trương “công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại”. Cụ thể hóa nội dung đó, tại Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (tháng 1/1994), Đảng chính thức đưa ra khái niệm “công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Theo đó, “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động *sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý*

kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao” [1, tr.554]. Như vậy, Đảng chính thức gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, và xác định cần phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa cả lĩnh vực dịch vụ và quản lý, chứ không chỉ lĩnh vực sản xuất. Điều đó có nghĩa là, với lợi thế là người “đi sau”, Việt Nam cần bỏ qua các bước đi lỗi thời, các thể hệ công nghệ trung gian, cần đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất. Đại hội Đảng VIII (năm 1996) khẳng định rằng, đất nước đã bước sang chặng đường thứ hai, chặng đường “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Từ đó, Đảng đề ra mục tiêu mới, theo đó, đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đại hội IX còn đề ra chủ trương rất đúng đắn rằng, trong quá trình công nghiệp hóa, cần “đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa)” [3, tr.112-113], chứ không “dàn đều” như trước. Với chủ trương này, Việt Nam cần chủ động phòng tránh nguy cơ trở thành “bãi rác thải công nghiệp” của thế giới.

Thứ hai, phải gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức. Đại hội Đảng VIII đã xác định rõ: “Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [2, tr.85]. Đại hội X của Đảng (năm 2006) đề ra chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) “*gắn với phát triển kinh tế tri thức*, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH, HĐH” [4, tr.87]. Theo đó công

ng nghiệp hóa của Việt Nam sẽ chuyển từ việc dựa vào tài nguyên, vào vốn sang việc dựa vào nguồn lực trí tuệ con người; bởi tài nguyên thì có hạn, chỉ có tri thức của con người là vô hạn. Lúc này, Việt Nam cần “phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức” [4, tr.88-89] .

Thứ ba, phải gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với hội nhập quốc tế. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế là xu thế lớn của thời đại, là kết quả tất yếu do bản chất xã hội của lao động và sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Trong thời đại toàn cầu hóa, công nghiệp hóa phải tuân theo “hệ tiêu chí” và các cam kết quốc tế về một nước công nghiệp hiện đại. Đáng xác định rõ: trong quá trình hội nhập, Việt Nam phải vừa tranh thủ thu hút vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của các nước phát triển để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước mình, vừa phải tăng cường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và chú trọng xây dựng các “thương hiệu” lớn trên thị trường thế giới. Đại hội Đảng XI còn đề ra mục tiêu là, phải “tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu” [5, tr.193].

Thứ tư, phải gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế thị trường. Trong thời kỳ Đổi mới, Đảng đã coi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam, và do đó, coi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn liền với mô hình đó. Đại hội Đảng VIII xác định: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo” [2, tr.85]; phải sử dụng nguồn vốn xã hội hóa theo cơ chế thị trường cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước; “phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ” [2, tr.85].

Thứ năm, phải đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp - nông thôn. Chủ nghĩa xã hội không chỉ giải phóng công nhân, mà còn giải phóng nông dân, và vì thế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải hướng tới mục tiêu cải tạo nông nghiệp. Thực chất của công nghiệp hóa là quá trình thu hẹp khu vực nông nghiệp - nông thôn, giảm tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Ở Việt Nam hiện nay, nông dân vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu dân số. Vì lẽ đó, văn kiện của các Đại hội VIII, IX, X, XI, XII đều nhấn mạnh nhiệm vụ phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn. Một loạt vấn đề mang tính “sống còn” của nông thôn và nông dân Việt Nam (như ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng ngày càng cao, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, gắn sản phẩm nông nghiệp với thị trường trong nước và quốc tế, đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng nông thôn mới, khắc phục tình trạng manh mún về đất canh tác, chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân ở các nơi đang tiến hành đô thị hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp...) đều được Đảng đặt ra và từng bước giải quyết. Đây chính là sự thực hiện quan điểm của Lênin về nhiệm vụ chính trị của công nghiệp hóa ở một nước nông nghiệp.

Thứ sáu, phải gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường. Mặc dù Đại hội XI (năm 2011) mới chính thức tuyên bố công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải “gắn với việc bảo vệ tài

nguyên, môi trường” [5, tr.75], nhưng tình thần thì đã có từ trước đó. Đại hội Đảng IX đã nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện nghiêm *Luật Bảo vệ môi trường*. Sau đó 5 năm, Đại hội Đảng X đề ra nhiệm vụ: “tích cực phục hồi môi trường và hệ sinh thái bị phá hủy,... hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên” [4, tr.94]. Cách đây hàng thế kỷ, Ăngghen đã cảnh báo về việc thiên nhiên sẽ “trả thù” con người nếu con người “thống trị giới tự nhiên” một cách thô bạo như những kẻ cướp. Ngày nay, những thảm họa môi trường đã chứng minh tính đúng đắn trong cảnh báo sớm của ông. Minh triết dân gian Việt Nam đúc kết: “Ăn của rừng rưng rưng nước mắt”. Nếu không gắn công nghiệp hóa với việc bảo vệ môi trường sinh thái thì con người sẽ phải hứng chịu những cơn cuồng nộ của thiên nhiên, sẽ phải bỏ ra rất nhiều tài lực để khôi phục môi trường, và kết cục, sẽ lại rơi vào sự đói nghèo.

Đại hội Đảng XII, sau khi phân tích thành tựu và hạn chế của việc thực hiện chiến lược công nghiệp hóa trong 30 năm Đổi mới đã nhấn mạnh nhiệm vụ “phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [6, tr.89], chuẩn bị sẵn sàng để bước vào chặng đường thứ 3 của sự nghiệp công nghiệp hóa của nước ta là chặng đường nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa [6, tr.89].

5. Kết luận

Công nghiệp hóa theo hướng hiện đại là mục tiêu mà bất kỳ nước nào trên thế giới hiện nay cũng đặt ra. Thời đại đã đặt ra

những vấn đề mới, và đường lối công nghiệp hóa theo hướng hiện đại của Đảng trong thời kỳ Đổi mới đã phần nào đáp ứng các yêu cầu đó. Đến đây xuất hiện một câu hỏi. Vì sao Việt Nam có mức độ tăng trưởng kinh tế khá tốt, đường lối công nghiệp hóa của Đảng nhìn chung là đúng hướng, nhưng mục tiêu trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 vẫn không đạt được, thậm chí, mức độ không đạt khá cao (vì có đến 10/15 chỉ tiêu không đạt tiêu chí)? Thật đáng suy nghĩ về thực tế rằng, sự nghiệp CNH ở Việt Nam đã tiến hành được 58 năm (bắt đầu từ năm 1960), nhưng đến thời điểm này, nông nghiệp Việt Nam chủ yếu vẫn “lấy công làm lãi”, vẫn “được mùa mất giá”; công nghiệp chủ yếu vẫn là gia công hoặc khai thác tài nguyên; dịch vụ vẫn thiếu chuyên nghiệp; các tỷ phú ở Việt Nam đều hoạt động trên lĩnh vực tài chính - bất động sản chứ không phải trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Vì sao có hiện tượng đó? Bên cạnh nguyên nhân khách quan (như xuất phát điểm thấp, nguồn vốn dành cho CNH, HĐH rất hạn chế), thì nguyên nhân chủ quan của hiện tượng đó vẫn đóng vai trò chủ đạo. Cụ thể, đó là: do Đảng chưa có một chiến lược công nghiệp hóa mang tính tổng thể, cứ vừa làm vừa bổ sung, điều chỉnh, tính thống nhất và tính đồng bộ không cao; do người Việt Nam chưa khắc phục được tư tưởng ỷ lại vào tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai và lao động giá rẻ; do thể chế, cơ chế và năng lực quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế (thể hiện qua việc thiếu các giải pháp và chế tài để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược, việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước hết sức lỏng lẻo, việc đầu tư còn dần trải theo cơ chế xin - cho); do tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, “sân trước, sân sau”, tư duy

nhiệm kỳ hết sức nặng nề; do nguồn nhân lực trong nước chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa; và do nhiều nguyên nhân khác. Trước tình hình đó, Nghị quyết số 23 - NQ/TW của Bộ Chính trị vừa được ban hành ngày 23/3/2018 đã đặt ra “cột mốc” là, đến năm 2030, Việt Nam phải cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để “không lỗi hẹn cùng lịch sử” thêm một lần nữa, Đảng và nhân dân cần phải phát huy hơn nữa tinh thần đổi mới, sáng tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh - biên niên tiểu sử*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, t.15, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [11] V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, t.30, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [12] V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, t.36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [13] V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [14] V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, t.42, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [15] V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, t.44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [16] V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, t.45, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

